

Số: 19 /2015/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 05 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định hỗ trợ nông hộ trên địa bàn tỉnh Cà Mau
nâng cao hiệu quả chăn nuôi giai đoạn 2015-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Điểm a, Khoản 1 Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 173/TTr-SNN ngày 07/7/2015 và Báo cáo thẩm định số 172/BC-STP ngày 16/6/2015 của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định hỗ trợ nông hộ trên địa bàn tỉnh Cà Mau nâng cao hiệu quả chăn nuôi” giai đoạn 2015-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy và TT. HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo, Đài, Cổng TTĐT tỉnh (đăng, phát nội dung);
- PVP Nguyễn Văn Quân;
- Trung tâm CB-TH;
- PNN-NĐ (L);
- Lưu: VT, Mi08/8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Dũng

QUY ĐỊNH

Hỗ trợ nông hộ trên địa bàn tỉnh Cà Mau nâng cao hiệu quả chăn nuôi giai đoạn 2015-2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 19 /2015/QĐ-UBND ngày 05/8/2015
của UBND tỉnh Cà Mau)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ về liệu tinh, đơn giá liệu tinh phối giống nhân tạo cho lợn, trâu, bò; giống gia súc, gia cầm; xây dựng công trình khí sinh học, đệm lót sinh học; đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo cho gia súc; vật tư phục vụ hoạt động phối giống nhân tạo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi lợn, trâu, bò và gia cầm trên địa bàn tỉnh Cà Mau, trừ các hộ chăn nuôi gia công cho các doanh nghiệp.

b) Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc.

Điều 2. Nguồn kinh phí hỗ trợ và nguyên tắc áp dụng

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ

a) Ngân sách địa phương.

b) Kinh phí cấp bù từ nguồn Ngân sách Trung ương.

c) Các nguồn vốn từ các dự án, chương trình của Trung ương và địa phương; của các tổ chức kinh tế - xã hội; các chương trình hợp tác quốc tế khác.

2. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020.

Chương II NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 3. Hỗ trợ cho hộ chăn nuôi phối giống nhân tạo đối với lợn

1. Hỗ trợ 100% kinh phí về liệu tinh cho hộ chăn nuôi để thực hiện phối giống nhân tạo. Lượng liệu tinh hỗ trợ được tính theo thực tế nhưng không quá 02 liệu cho một lần phối giống và 04 liệu cho một năm đối với 01 lợn nái. Đơn giá cho 01 liệu tinh theo giá thực tế tại thời điểm thực hiện phối giống.

2. Tiêu chuẩn chất lượng liệu tinh dùng để phối giống nhân tạo theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Điểm a, Khoản 1, Điều 6 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020.

3. Điều kiện được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Hỗ trợ phối giống nhân tạo đối với trâu, bò

1. Hỗ trợ cho hộ chăn nuôi

a) Hỗ trợ 100% kinh phí vật tư phối giống nhân tạo cho hộ chăn nuôi phối giống cho trâu, bò cái sinh sản (tinh đông lạnh, Ni tơ lỏng, găng tay, dẫn tinh quản). Đơn giá vật tư theo giá thực tế tại thời điểm thực hiện phối giống.

b) Định mức liệu tinh: Mức hỗ trợ theo thực tế phối giống nhưng tối đa 02 liều/năm đối với tinh bò thịt, 04 liều/năm đối với tinh bò sữa và trâu.

c) Định mức Ni tơ lỏng: Hỗ trợ cho mỗi hộ chăn nuôi Ni tơ lỏng để bảo quản tinh vận chuyển từ điểm mua tinh về đến nơi phối giống 02 lít/01 con bò cái hướng sữa, 1,5 lít/01 con bò cái hướng thịt và 03 lít/01 con trâu cái.

d) Định mức về vật tư khác: Hỗ trợ theo thực tế sử dụng cho 01 lần phối giống, nhưng không quá 02 đôi găng tay và 02 dẫn tinh quản/01 năm; 01 súng bắn tinh cho thời hạn sử dụng 05 năm.

đ) Tiêu chuẩn chất lượng liệu tinh dùng để phối giống nhân tạo theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-BNNPTNT ngày 03/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

e) Điều kiện được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hỗ trợ 01 lần cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo 01 bình Ni tơ lỏng 2,0 lít/01 con bò cái hướng sữa, 1,5 lít/01 con bò cái hướng thịt và 3,0 lít/con trâu cái, theo giá thực tế tại thời điểm hỗ trợ nhưng không quá 5.000.000 đồng.

Điều kiện được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 4 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Hỗ trợ về giống gia súc, gia cầm

1. Hỗ trợ giống gia súc

a) Đối tượng hỗ trợ: Các hộ chăn nuôi trâu, bò, lợn ở địa bàn các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành để thực hiện phối giống dịch vụ.

b) Hỗ trợ 5.000.000 đồng/con lợn đực giống từ 06 tháng tuổi trở lên; mỗi hộ được hỗ trợ theo thực tế mua giống nhưng tối đa là 03 con.

c) Hỗ trợ cho mỗi hộ 01 con trâu đực giống hoặc bò đực giống; mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/con bò đực giống từ 12 tháng tuổi trở lên, 25.000.000 đồng/con trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên.

2. Hỗ trợ giống gia cầm

a) Đối tượng hỗ trợ: Các hộ chăn nuôi gia cầm trên địa bàn tỉnh.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần cho mỗi hộ chăn nuôi gia cầm 200 con gà hoặc vịt giống bố mẹ hậu bị từ 08 tuần tuổi trở lên; mức hỗ trợ cho mỗi con giống bố mẹ hậu bị là 50.000 đồng.

3. Điều kiện được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Hỗ trợ xây dựng công trình khí sinh học, đệm lót sinh học

1. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ một lần 50% chi phí xây dựng công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi, nhưng không quá 4.000.000 đồng/01 công trình/hộ.

b) Hỗ trợ một lần 50% chi phí làm đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi nhưng không quá 2.000.000 đồng/hộ đối với gia súc và 1.500.000 đồng/hộ đối với gia cầm.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 3 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc

1. Hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn kỹ thuật phối giống nhân tạo một lần cho 01 người/01 hộ chăn nuôi; mức kinh phí hỗ trợ 5.000.000 đồng/người.

2. Điều kiện để được hưởng hỗ trợ

a) Theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 4 Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Được đào tạo, tập huấn tại các cơ sở được Cục Chăn nuôi chỉ định.

c) Thời gian tập huấn tối thiểu 21 ngày, trong đó thời gian học lý thuyết chiếm 1/3 chương trình, thời gian thực hành chiếm 2/3 chương trình.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức phổ biến nội dung Quy định này đến các hộ gia đình chăn nuôi trâu, bò, lợn (heo), gia cầm và người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc trên địa bàn tỉnh biết để thực hiện.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn các hộ gia đình trực tiếp chăn nuôi trâu, bò, lợn, gia cầm; người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc trên địa bàn tỉnh thực hiện các điều kiện theo quy định để được hưởng chính sách hỗ trợ.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp huyện xác nhận các hộ mua con giống và áp dụng kỹ thuật xử lý chất thải theo quy định trong chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được hưởng chính sách hỗ trợ.

4. Kiểm tra việc thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn; tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 9. Các sở, ngành có liên quan

1. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ hàng năm theo kế hoạch của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Hướng dẫn thủ tục thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ.

2. Hội Nông dân tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ theo Quy định này đến các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh biết để thực hiện.

Điều 10. Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau chỉ đạo cơ quan chuyên môn cùng cấp có liên quan phối hợp với các cấp, các ngành tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện Quy định này trên địa bàn quản lý; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định trong chăn nuôi; hướng dẫn Chủ tịch UBND cấp xã xác nhận cho các hộ chăn nuôi theo quy định tại Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách này và theo dõi, xác nhận và giám sát các hộ chăn nuôi đảm bảo các điều kiện trong chăn nuôi theo quy định hiện hành thuộc phạm vi địa phương quản lý.

Điều 11. Trách nhiệm của các hộ chăn nuôi

1. Chăn nuôi đảm bảo vệ sinh phòng dịch, bảo vệ môi trường gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Phải chăm sóc, nuôi dưỡng, khai thác con đực giống 24 tháng trở lên đối với lợn, 48 tháng trở lên đối với trâu, bò; trừ trường hợp con đực giống bị chết, thải loại do bệnh hoặc thiên tai.

3. Không sử dụng con đực lợn, trâu, bò không đạt tiêu chuẩn để phối giống dịch vụ.

4. Thực hiện đúng quy định, hướng dẫn của tỉnh để được hưởng chính sách hỗ trợ.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; UBND các huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện quy định này; chủ động đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết các vấn đề có liên quan khi phát sinh khó khăn, vướng mắc./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Dũng